

Số: **937/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **07** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Trung tâm đô thị Phổ Văn, thị xã Đức Phổ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung (điều chỉnh) đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030;

Theo đề nghị của UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 28/5/2021 và Công văn số 1152/UBND-QLĐT ngày 27/5/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 680/BCTĐ-SXD ngày 30/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phổ Văn, thị xã Đức Phổ, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phổ Văn, thị xã Đức Phổ.

2. Quy mô, phạm vi lập quy hoạch: Phạm vi ranh giới lập quy hoạch có tổng quy mô diện tích khoảng 792ha, thuộc một phần địa giới hành chính của phường Phổ Văn (khoảng 696ha) và xã Phổ Thuận (khoảng 96ha), có giới cận như sau:

- Phía Đông: Giáp sông Thoa.
- Phía Tây: Giáp sông Chợ Chiều.
- Phía Nam: Giáp sông Trà Câu.
- Phía Bắc: Giáp đường quy hoạch.

3. Tính chất: Là phân khu phía Bắc của khu vực trung tâm đô thị Đức Phổ, gồm các chức năng chính về hành chính, dịch vụ thương mại, công trình công cộng, công viên cây xanh, thể dục thể thao và khu dân cư.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	Tổng diện tích quy hoạch	ha	792
B	Dân số dự báo	người	15.739
I	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	
1	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	
	- Đất đơn vị ở bình quân	m ² /người	≥15
	- Đất công trình dịch vụ công cộng	m ² /người	≥4
	- Đất công viên cây xanh	m ² /người	≥6
	- Đất giao thông	m ² /người	≥10
2	Đất ngoài dân dụng	m ² /người	20-70
II	Hạ tầng xã hội		
4.1	Giáo dục		
	- Trường mầm non	cháu/1000 người	≥50
		m ² /1 cháu	≥12
	- Trường tiểu học	hs/1000 người	≥65

		$m^2/1$ học sinh	≥ 10
	- Trường trung học cơ sở	hs/1000 người	≥ 55
		$m^2/1$ học sinh	≥ 10
	- Trường phổ thông trung học	hs/1000 người	≥ 40
		$m^2/1$ học sinh	≥ 10
4.2	Y tế		
	- Trạm y tế	trạm	1
		$m^2/trạm$	500
	- Bệnh viện đa khoa	giường/1000 người	4
		$m^2/giường$ bệnh	100
4.3	Thể dục thể thao		
	- Sân thể thao cơ bản	$m^2/người$	0,6
		ha/công trình	1,0
	- Sân vận động	$m^2/người$	0,8
		ha/công trình	2,5
	- Trung tâm thể dục thể thao	$m^2/người$	0,8
		ha/công trình	3,0
4.4	Các công trình văn hóa (sân chơi, sân luyện tập, thư viện, nhà văn hóa, bảo tàng, triển lãm...)		Theo tiêu chuẩn đô thị loại IV
4.5	Chợ	ha/công trình	0,2 - 1,0
	- Cấp đơn vị ở	ha/công trình	0,2
	- Cấp đô thị	ha/công trình	1,0
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông	% diện tích đất XD đô thị	≥ 18
	Bãi đỗ xe	$m^2/người$	$\geq 2,5$
2	Chỉ tiêu cấp nước		
	Sinh hoạt	l/người.ngđ	≥ 100
	Công trình công cộng và dịch vụ	l/m ² sàn.ngđ	≥ 2
	Công trình du lịch	l/giường.ngđ	≥ 200
	Công trình công nghiệp, kho tàng	m ³ /ha.ngđ	≥ 20
3	Chỉ tiêu cấp điện		
	Sinh hoạt	Kwh/ng/năm	1000
	Công trình công cộng và dịch vụ	%	30

	<i>Công trình nghỉ dưỡng</i>	<i>Kwh/giường</i>	<i>2,0-3,5</i>
	<i>Công trình công nghiệp, kho tàng</i>	<i>kW/ha</i>	<i>50-350</i>
4	Chỉ tiêu nước thải		
	<i>Sinh hoạt</i>	<i>l/người/ngày</i>	<i>120</i>
		<i>% nước cấp</i>	<i>90</i>
	<i>Công nghiệp</i>	<i>m³/ha/ngày</i>	<i>16 - 48</i>
5	Chỉ tiêu rác thải	<i>kg/người/ngày</i>	<i>0,8-1,0</i>
6	Nghĩa trang	<i>ha/1000 dân</i>	<i>0,6</i>
7	Mật độ đường cống thoát nước chính	<i>km/km²</i>	<i>≥3,5</i>

5. Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
I	Đất xây dựng đô thị	482,56	60,9
1	Đất dân dụng	443,98	56,1
1.1	Đất các đơn vị ở	256,80	32,4
	- Đất nhóm nhà ở	235,97	29,8
	+ <i>Đất nhóm ở hiện trạng chính trang</i>	<i>191,24</i>	<i>24,1</i>
	+ <i>Đất nhóm nhà ở xây dựng mới</i>	<i>44,73</i>	<i>5,6</i>
	- Đất dịch vụ - công cộng trong đơn vị ở	14,24	1,8
	- Đất vườn hoa cây xanh trong đơn vị ở	6,59	0,8
1.2	Đất thương mại dịch vụ kết hợp ở (tỷ lệ đất nhóm nhà ở ≤40%)	17,89	2,3
1.3	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	36,38	4,6
	- Đất trường Trung học phổ thông	2,43	0,3
	- Đất trung tâm y tế	1,00	0,1
	- Đất thể dục thể thao đô thị	8,69	1,1
	- Chợ đô thị	3,35	0,4
	- Đất dịch vụ - công cộng đô thị khác	20,91	2,6
1.4	Đất cây xanh quảng trường đô thị	12,41	1,6
1.5	Đất bãi đỗ xe	4,43	0,6
1.6	Đất giao thông nội thị	116,07	14,7
2	Đất ngoài dân dụng	38,58	4,9
2.1	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	1,95	0,2
2.2	Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,38	0,2
2.3	Đất cây xanh cảnh quan	17,81	2,2
2.4	Đất cây xanh cách ly	8,73	1,1

2.5	Đất nghĩa trang	0,42	0,1
2.6	Giao thông đối ngoại	8,29	1,0
II	ĐẤT KHÁC	309,44	39,1
1	Đất nhóm nhà ở nông thôn – đất vườn xen cây	21,37	2,7
2	Đất nông nghiệp	146,93	18,6
3	Mặt nước (sông suối, kênh...)	14,63	1,8
4	Đất thủy lợi	6,59	0,8
5	Đất dự trữ phát triển	119,92	15,1
	Tổng	792,00	100,0

6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

a) Nguyên tắc quy hoạch không gian: Không gian trung tâm đô thị Phố Văn phát triển trên cơ sở các trục giao thông chính: Quốc lộ 1 hiện hữu và các đường ĐH 42B, ĐH 42C, ĐH 43; khu trung tâm phường Phố Văn hiện hữu; các khu chức năng chính đã được xác định trong đồ án Quy hoạch chung được duyệt. Quy hoạch không gian kiến trúc đô thị Phố Văn được định hướng như sau:

- Quy hoạch mở rộng không gian dọc theo đường giao thông ven sông Trà Cầu ĐH43 với lộ giới theo Quy hoạch chung được duyệt; khai thác hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan ven sông Trà Cầu.

- Hình thành các trục cảnh quan đô thị mang tính đặc trưng của đô thị dịch vụ ven sông và các không gian điểm nhấn trong đô thị: ven sông, trục thương mại dịch vụ, các công viên tập trung gần với trung tâm văn hóa - thể dục thể thao.

- Phát triển các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại kết hợp với cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, khớp nối đồng bộ với các dự án đã và đang triển khai trong khu vực.

- Không gian đô thị gắn kết chặt chẽ vùng cảnh quan ven sông Trà Cầu thành một tổng thể thống nhất từ hình thái tới màu sắc kiến trúc.

b) Các không gian chính trong khu vực quy hoạch:

b.1) Trung tâm hành chính cấp phường, xã: Cải tạo, chỉnh trang và mở rộng trụ sở UBND phường Phố Văn; quy hoạch mới Trụ sở Công an phường tiếp giáp trạm y tế hiện hữu.

b.2) Đất trung tâm y tế: Giữ lại trạm y tế phường Phố Văn, quy hoạch mới 01 trạm y tế cấp đơn vị ở và 01 trung tâm y tế cấp đô thị.

b.3) Đất trung tâm giáo dục-đào tạo: Giữ lại các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non hiện trạng có trong khu vực, quy hoạch mới 02 trường Mầm non và 01 trường Trung học cơ sở.

b.4) Hệ thống công viên cây xanh:

- Bố trí mới 04 công viên tập trung trên các trục đường quy hoạch, các công viên ven sông;

- Bố trí mới quỹ đất cây xanh vườn hoa trong mỗi đơn vị ở nhằm đáp ứng nhu cầu cho người dân.

b.5) Trung tâm thương mại dịch vụ:

- Giữ lại chợ Trà Câu; quy hoạch 02 chợ mới, trong đó 01 chợ đô thị và 01 chợ đơn vị ở.

- Quy hoạch bố trí công trình thương mại - dịch vụ tại các nút giao thông chính, trục đường chính; ưu tiên xây dựng hợp khối công trình để hình thành những công trình quy mô lớn, hình thức kiến trúc hiện đại, đa chức năng, tạo điểm nhấn về cảnh quan cho đô thị.

b.6) Các đơn vị ở:

- Các khu dân cư xây mới: Bố trí quỹ đất ở mới tập trung chủ yếu ở phía Tây Quốc lộ 1 đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển dân cư; bố trí dạng nhà ở liên kế (ở kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ) trên các trục đường chính, gần khu vực thương mại dịch vụ với mật độ xây dựng hợp lý;

- Các khu ở hiện hữu: Cơ bản giữ lại và chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, cho phép xây dựng thêm nhà ở mới xen cấy trong khu vực hiện hữu nhưng phải đảm bảo các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định. Sử dụng hình thức nhà vườn, nhà phố, nhà liên kế với mật độ xây dựng hợp lý; mở rộng các tuyến đường nội bộ hiện trạng đảm bảo lưu thông và bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ dân cư.

b.7) Vùng đất nông nghiệp phía Đông Nam khu vực được quy hoạch đất dự trữ phát triển trong tương lai.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

a.1) San nền:

- San nền sử dụng giải pháp tôn nền kết hợp hệ thống kè ven sông Trà Câu và hệ thống cống, trạm bơm, cửa van đồng bộ để thoát nước mưa, chống ngập úng bảo vệ đô thị. San nền cục bộ ở các khu vực xây dựng mới, cao độ san nền phù hợp với nền hiện trạng của từng khu vực và các tuyến đường xung quanh.

- Cao độ khống chế san nền cụ thể của từng khu vực như sau:

- + Khu vực trung tâm phía Bắc đường DH.42B và đường N7: Cao độ nền $\geq 4,0\text{m}$.

- + Khu vực trung tâm phía Nam đường DH.42B và đường N7: Cao độ nền $\geq 4,0\text{m}$.

+ Các khu vực khác: cao độ nền $\geq 3,5\text{m}$. Tuyến đường kết hợp kè ven sông cao độ $\geq 4,0\text{m}$.

a.2) Thoát nước mưa:

- Những khu vực được xây dựng mới đồng bộ, quy hoạch hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Đối với các khu vực dân cư hiện hữu, quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

- Các lưu vực thoát nước mưa chính:

+ Lưu vực phía Tây Quốc lộ 1: Thu nước trên các trục đường chính, thoát ra hồ điều hòa, sông Trà Câu và sông Chợ Chiều.

+ Lưu vực trung tâm và một phần phía Đông Quốc lộ 1: Thu nước trên các trục đường chính, thoát ra kênh, hồ điều hòa và sông Thoa.

+ Lưu vực phía Đông đường trục chính D11: Thu nước trên các trục đường chính, thoát ra hồ điều hòa, mương hiện trạng, sông Trà Câu và sông Thoa.

- Hệ thống thoát nước đối với tuyến nhánh sử dụng cống tròn D600-D1500, đối với các tuyến cống chính sử dụng cống hộp B1500-B2500.

b) Giao thông:

b.1) Giao thông đối ngoại:

- Trục Quốc lộ 1: từ Km1089+408 đến Km1091+657 (tại cầu Trà Câu), quy hoạch mặt cắt ngang 32m; trong đó, lòng đường 2x10m, vỉa hè 2x6m;

- Tuyến đường tránh phía Đông đô thị quy hoạch mặt cắt ngang từ 54,0-65,5m, gồm 03 đoạn, với lộ giới đường như sau:

+ Đoạn tránh có một bên tuyến qua khu dân cư và một bên qua chợ: quy hoạch mặt cắt ngang 65,5m; gồm lộ giới đường chính 32,0m (trong đó, lòng đường 21,0m, dải phân cách 2,0m, vỉa hè 2x4,5m), phía đường giáp chợ quy hoạch đường gom 22,0m (trong đó, lòng đường 17m, vỉa hè 5,0m) và khu vực có dân cư quy hoạch đường gom 11,5m (trong đó, lòng đường 7,5m, vỉa hè 4,0m).

+ Đoạn tránh có một bên đường tiếp giáp với dân cư: quy hoạch mặt cắt ngang 54,5m; gồm lộ giới đường chính 32,0m (trong đó, lòng đường 21,0m, dải phân cách 2,0m, vỉa hè 2x4,5m), hành lang đường bộ khu vực không có dân cư 11,0m và khu vực có dân cư quy hoạch đường gom 11,5m (trong đó, lòng đường 7,5m, vỉa hè 4,0m).

+ Đoạn tránh ngoài khu dân cư: quy hoạch mặt cắt ngang 54,0m; gồm lộ giới đường chính 32,0m (trong đó, lòng đường 21,0m, dải phân cách 2,0m, vỉa hè 2x4,5m), hành lang đường bộ mỗi bên 11,0m.

b.2) Giao thông đối nội:

- Đường trục chính đô thị: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 27,0 - 33,0m nhằm kết nối các trung tâm dân cư và các công trình chính cấp đô thị.

- Đường chính đô thị, đường liên khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 20,5 - 27,0m nhằm kết nối các khu chức năng chính, tạo cảnh quan cho đô thị.

- Đường khu vực, phân khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 15,5 - 20,5m;

b.3) Giao thông tĩnh

- Quy hoạch các bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích 4,43 ha, được tổ chức gần các công trình công cộng, quảng trường, trung tâm thương mại, công viên cây xanh và các khu dân cư nhằm phục vụ người dân đô thị.

c) Cấp điện

- Nguồn điện: Sử dụng lưới điện Quốc gia từ trạm 110KV Mộ Đức.

- Tổng công suất tính toán 8.254kVA; Giữ nguyên 17 trạm biến áp hiện hữu với tổng công suất khoảng 2.605kVA; kết hợp, quy hoạch mới 13 trạm biến áp, công suất mỗi trạm 400-560KVA.

- Lưới điện:

- + Quy hoạch xây dựng mới kết hợp cải tạo nắn chỉnh một số tuyến điện trung thế, hạ thế nhằm phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường giao thông.

- + Đối với các khu vực xây dựng mới, khuyến khích lưới điện được hạ ngầm đi trong hào kỹ thuật đảm bảo mỹ quan đô thị. Với các khu vực hiện hữu, từng bước hạ ngầm lưới điện tiến tới hạ ngầm hoàn toàn lưới điện cho toàn đô thị.

- Lưới điện chiếu sáng đường phố: Xây dựng các tuyến cáp ngầm chiếu sáng dọc theo các trục đường giao thông, kết hợp chiếu sáng trang trí trong khuôn viên các công trình và các khu chức năng của công viên.

d) Cấp nước

- Quy hoạch xây dựng mới nhà máy nước Trà Câu đầu nối cùng với nguồn từ nhà máy nước phường Nguyễn Nghiêm cung cấp cho địa bàn khu đô thị Phổ Văn, phường Phổ Thuận và vùng giáp ranh, với công suất 3.000 m³/ngày.đêm.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 3.341 m³/ngày.đêm.

- Mạng lưới đường ống:

- + Các tuyến ống chuyển tải bao gồm 3 tuyến ống chính D200, D300 chạy dọc các trục đường chính (Quốc lộ 1, ĐH.42B và đường N7) nối từ Khu vực trung tâm thị xã Đức Phổ sang phường Phổ Minh. Tổng chiều dài khoảng

7,5 km.

+ Các tuyến ống dẫn D100 - D150: chạy dọc theo trục đường trong khu vực với tổng chiều dài đường ống khoảng 54km.

- Bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa cách nhau khoảng từ 100m-150m.

đ) Thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang:

đ.1) Thoát nước thải:

- Quy hoạch xây dựng mới 02 trạm xử lý nước thải: Trạm Phổ Văn 1 ở phía Đông khu vực nghiên cứu, công suất 1.500 m³/ngày.đêm và trạm Phổ Văn 2 nằm ở phía Tây Bắc khu vực nghiên cứu, công suất 800 m³/ngày.đêm. Toàn bộ nước thải tập trung về các tuyến ống chính và các tuyến cống bao đưa về trạm xử lý nước thải để xử lý. Khuyến khích các dự án khu dân cư, khu đô thị đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng theo mô hình xử lý nước thải phân tán nhằm giảm tải cho trạm xử lý nước thải chung của khu vực.

- Các tuyến thoát nước thải quy hoạch có đường kính từ Ø300-Ø600 đi dọc theo vỉa hè các trục đường, thu gom nước thải dẫn về các trạm xử lý.

đ.2) Chất thải rắn:

- Chất thải rắn phát sinh trong khu vực quy hoạch phải được phân loại, thu gom, xử lý (hoặc chôn lấp) tại Khu xử lý CTR chung của thị xã Đức Phổ.

- Bố trí các thùng rác công cộng trên vỉa hè các trục đường, trong khuôn viên công trình với khoảng cách hợp lý.

- Chất thải rắn phải được thu gom định kỳ hàng ngày, đúng thời điểm theo quy định.

đ.3) Nghĩa trang:

- Khu vực lập quy hoạch không bố trí mới đất nghĩa trang.

- Sử dụng nghĩa trang chung của đô thị.

- Từng bước đóng cửa, di dời nghĩa địa nhỏ lẻ trong khu vực. Khoanh vùng đóng cửa, cải tạo nghĩa địa Gò Cúc thành công viên nghĩa trang. Giữ nguyên nghĩa trang liệt sỹ phường Phổ Văn.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc, hào kỹ thuật:

e.1) Mạng điện thoại, mạng truyền hình: Sử dụng các trạm cung cấp theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được duyệt. Các nhà cung cấp dịch vụ sẽ triển khai mạng đến từng đơn vị qua mạng cáp hoặc trạm thu phát sóng.

e.2) Mạng ngoại vi

- Gồm các hệ thống hào, bể cáp và hầm cáp bố trí dọc theo các vỉa hè đường. Các tuyến thông tin liên lạc được hạ ngầm, bố trí trong mương dẫn cáp.

- Các tuyến cáp được đặt trong ống nhựa bảo vệ PVC Ø110x0,5; tại những đoạn qua đường sử dụng loại ống sắt hoặc kẽm. Các tủ, hộp cáp được bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý.

e.3) Hào kỹ thuật: Quy hoạch xây dựng các tuyến hào kỹ thuật đi dọc theo vỉa hè các trục đường chính. Bố trí các tuyến đường dây, đường ống trong hào kỹ thuật hợp lý, đảm bảo khoảng cách giữa các tuyến theo quy định.

g) Đánh giá môi trường chiến lược và giải pháp bảo vệ môi trường:

g.1) Giải pháp về kỹ thuật:

- Về tổng thể

+ Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải (rắn, lỏng) cho toàn bộ các khu dân cư đô thị và các công trình khác có nguồn gây ô nhiễm.

+ Thiết lập và duy trì hoạt động thường xuyên hệ thống quan trắc môi trường chung.

+ Thiết lập các vành đai cây xanh cho các khu dân cư, để tăng khả năng chịu tải môi trường của các hệ sinh thái, góp phần cải tạo những khu vực bị ô nhiễm (do chất thải rắn, lỏng...) để cải tạo môi trường sinh thái.

- Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

+ Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính.

+ Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên....

+ Tại các trục đường giao thông chính, nền đường nên thường xuyên được quét dọn và phun nước chống bụi.

- Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước

+ Cải tạo sông hồ, xây dựng quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị, đa dạng hóa loại hình và công nghệ xử lý nước thải theo quy mô và tính chất của các đô thị.

+ Nâng cấp, xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị.

+ Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực sông suối.

+ Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

- Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất

+ Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm.

+ Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi, lung tung tại các khu vực đất trống.

g.2) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại khu vực;

- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp khống chế hữu hiệu.

g.3) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu.

- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông suối trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực bãi rác nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian;

- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác.

- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

h) Hạng mục ưu tiên đầu tư:

h.1) Hạ tầng kỹ thuật:

- Đầu tư nâng cấp mở rộng trục đường ĐH.42C, kéo dài tuyến đi về phía Tây. Xây dựng tuyến ven sông Trà Câu, tuyến tránh phía Đông, đầu tư các trục đường đô thị.

- Xây dựng kè ven sông Trà Câu.

- Đầu tư hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải.

- Nâng cấp, mở rộng và đầu tư xây dựng mới nhà máy nước; nâng phạm vi, tỷ lệ cấp nước sạch sinh hoạt.

h.2) Hạ tầng xã hội:

- Ưu tiên xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của các khu dân cư: Hệ thống giáo dục các cấp như trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở; các điểm sinh hoạt văn hóa, trạm y tế; vườn hoa cây xanh, thể dục thể thao trong các khu ở và các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác.

- Kêu gọi đầu tư xã hội hóa các công viên cây xanh tập trung, các công trình phát triển hỗn hợp, thương mại dịch vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo đơn vị Tư vấn chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng.

- Tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các dự án có liên quan để có giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu được duyệt.

- Phê duyệt Quy định quản lý đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phổ Văn, thị xã Đức Phổ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ; Chủ tịch UBND phường Phổ Văn, xã Phổ Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT. Thị ủy và HĐND TX Đức Phổ;
- VPU: PCVP, các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD. pbc602

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn